Chi tiết mã HS 8607.19.00

Mã HS	8607.19.00
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận của đầu máy hoặc của phương tiện di chuyển trên đường sắt hoặc đường tàu điện / - Giá chuyển hướng, trục bitxen, trục và bánh xe và các bộ phận của chúng: / - - Loại khác, kể cả các bộ phận
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 20:41:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/86071900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16243
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16243
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16243
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15558
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15487
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15487
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15487
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15487
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15487
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15487
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15543
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15543
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15543

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15543
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15543
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15543
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15544
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15544
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15544
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15544
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15544
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15544
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15545
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15493
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15501
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15501
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15501
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15501
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15501
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15501
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15541
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15541
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15541
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15541
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15541
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15541
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15603
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15603
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15603

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15603
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15603
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15603
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15577
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15577
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15577
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15577
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15577
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15577
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15580
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15580
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15580
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15580
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15580
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15580
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15586
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15586
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15586
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15586
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15586
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15586
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15585
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15585
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15585
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15585
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15585

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15585
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15574
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15574
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15574
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15574
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15574
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15574
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15574
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15568
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15568
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15568
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15568
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15568
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15568
RCEP B	2022	2022	0	B!D15568
RCEP B	2023	2023	0	B!E15568
RCEP B	2024	2024	0	B!F15568
RCEP B	2025	2025	0	B!G15568
RCEP B	2026	2026	0	B!H15568
RCEP B	2027	2027	0	B!I15568
RCEP C	2022	2022	0	C!D15568
RCEP C	2023	2023	0	C!E15568
RCEP C	2024	2024	0	C!F15568
RCEP C	2025	2025	0	C!G15568
RCEP C	2026	2026	0	C!H15568
RCEP C	2027	2027	0	C!I15568

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15567
RCEP D	2023	2023	0	D!E15567
RCEP D	2024	2024	0	D!F15567
RCEP D	2025	2025	0	D!G15567
RCEP D	2026	2026	0	D!H15567
RCEP D	2027	2027	0	D!I15567
RCEP E	2022	2022	0	E!D15571
RCEP E	2023	2023	0	E!E15571
RCEP E	2024	2024	0	E!F15571
RCEP E	2025	2025	0	E!G15571
RCEP E	2026	2026	0	E!H15571
RCEP E	2027	2027	0	E!I15571
RCEP F	2022	2022	0	F!D15568
RCEP F	2023	2023	0	F!E15568
RCEP F	2024	2024	0	F!F15568
RCEP F	2025	2025	0	F!G15568
RCEP F	2026	2026	0	F!H15568
RCEP F	2027	2027	0	F!I15568
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14521
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14521
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14521
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14521

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8607.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8607.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16243), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.